

PHẬT THUYẾT THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không
Chuyển ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh
Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 1

Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm

Đề kinh: “**Phật Thuyết Thập Thiện Nghiệp Đạo**” là “biệt đề”; “**Kinh**” gọi là “thông đề”.

Sao gọi là “biệt đề”? Là vì Kinh này khác biệt tên với các Kinh khác, là chuyên chỉ cho bộ Kinh này.

“Thông đề” là thông tắt cả Kinh, phạm hễ điều Phật giảng thì gọi là “Kinh”.

“Phật Thuyết Thập Thiện Nghiệp Đạo” là ở ngay trong 7 cách lập đề thì thuộc về “nhân, pháp lập đề”. “Phật” là nhân, “Thập Thiện Nghiệp Đạo” là pháp.

Chữ “**Phật Thuyết**”

Trong câu này và trong ba bộ Kinh của Tịnh Độ Tông là “*Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*”, “*Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Kinh*”, “*Phật Thuyết A Di Đà Kinh*”. Tên ba bộ Kinh này đều có chữ “Phật Thuyết”. Chữ “Phật Thuyết” của Kinh này cùng với “Phật Thuyết” trong ba

Kinh Tịnh Độ Tông có ý nghĩa như nhau, điều này không chỉ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà cả mười phương chư Phật cũng đều nói. Các Kinh điển khác mười phương chư Phật chưa hẳn đều nói. Chỉ riêng Tịnh Độ ba kinh cùng với bộ Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo này là mười phương chư Phật đều nói. Do vậy, mà chúng ta có thể biết tính quan trọng của bộ Kinh này.

Chữ **“Phật”**: Là trong tiếng Phạn Ấn Độ, dịch âm là “Phật Đà Gia”. Người Trung Quốc vì muốn đơn giản nên lược bỏ những chữ cuối, chỉ xưng là “Phật”. Ý nghĩa của chữ “Phật” này gần giống nghĩa “Thánh”, “Thần” mà người Trung Quốc thường gọi. Thần, Thánh, Phật là từ dùng để chỉ những người thông đạt tường tận chân tướng nhân sinh vũ trụ, nhưng mức độ thông đạt có ít nhiều khác biệt. Đối với chân tướng của nhân sanh vũ trụ, “Sự lý, tánh tướng, nhân quả” triệt để thông đạt tường tận mà không bợn chút lầm lẫn nào, bợn chút nhập nhằng nào, người như vậy được gọi là “Phật”. “Thánh” tuy có ý nghĩa tương tự, nhưng sự thông đạt không triệt để đến chân tướng nhân sanh vũ trụ. Đây là nói đến trình độ thông đạt không giống nhau.

“Phật Đà” là danh xưng của học vị. Trong Kinh Hoa Nghiêm có giảng về 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ. Bốn mươi một tầng thứ này đều gọi là “Phật”. Họ đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, sự lý, tánh tướng, nhân quả đều thông đạt, nhưng mà tầng thứ thông đạt không giống nhau, cho nên có 41 thứ bậc. “Phật” là thứ bậc cao nhất, cũng được xưng là cứu cánh viên mãn. Vị này chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

“Thuyết”: Là trong lòng hoan hỷ, tức là sanh tâm hoan hỷ được vì chúng sanh mà thuyết pháp. Vì Đức Phật thấy rằng cơ duyên được chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh của chúng sanh đã đến lúc chín muồi, có thể tiếp nhận pháp môn này, cho nên Phật giảng dạy khuyến hóa mọi người vô cùng hoan hỷ, trợ giúp tất cả chúng sanh ngay trong đời này thành tựu. Pháp môn Tịnh Độ là mục tiêu cuối cùng của tất cả chư Phật thuyết pháp,

trong đó Thập Thiện Nghiệp Đạo là phương pháp then chốt mà tất cả chư Phật thuyết pháp nhằm trợ giúp chúng sanh đạt thành tựu ngay trong một đời.

“**Thập**”: Có nghĩa là mười, nhưng ở đây nó không phải là con số cụ thể, nó là biểu hiện cho ý nghĩa đại viên mãn. Cũng giống như trong Kinh Hoa Nghiêm vậy, nghĩa pháp của nó hoàn toàn giống nhau. Thiện pháp của đại viên mãn quy nạp thành mười cương lĩnh. Cảnh giới của mỗi cương lĩnh sâu rộng vô biên.

“**Thiện**”: Trong Kinh có nêu rõ tiêu chuẩn của thiện và ác. Ví như tu học không có nền tảng của Thập Thiện Nghiệp thì niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Vì sao biết được điều đó? Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Phật dạy chúng ta trước khi tu tịnh nghiệp phải tu tam phước.

Tam phước là giáo lý căn bản của Phật pháp Đại thừa, ví như chưa có cái nền tảng này thì bất luận tu pháp môn nào cũng đều không thể thành tựu được, cho nên đây là nền tảng chung của “*Tam thế chư Phật, tịnh nghiệp chánh nhân*”.

“Tam thế” nghĩa là ba đời, tức: quá khứ, hiện tại và tương lai. Tất cả chư Phật tu hành thành Phật đều có vô lượng pháp môn, nhưng bất luận pháp môn nào cũng lấy tam phước làm nền tảng. Như xây một ngôi nhà cất một tòa nhà cao, bất luận là cao bao nhiêu, hình thức nào thì nền móng nhất định giống như nhau, tức là chỉ có nền móng vững chắc thì kiến trúc mới được kiên cố.

Điều thứ nhất của “**Tịnh Nghiệp Tam Phước**” là “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*”. Ba vế trước là Nguyện, vế sau cùng là Hành, nếu như không “Hành” được thì ba điều “Nguyện” kia chỉ là trống không. Vậy dùng phương pháp gì để hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng và từ tâm bất sát? Chính là nhờ vào thập thiện nghiệp, thập thiện nghiệp thật sự trì hành được thì ba điều nguyện phía trước đều viên mãn.

“Nghệp”: Vốn tồn tại trong đời sống thường ngày, đó là công việc, đó là việc đối nhân xử thế, v.v.. Tất cả những hành vi đang làm thì gọi là “Sự”. Sau khi đã làm xong, kết quả của nó gọi là “Nghệp”. Nếu làm việc tốt gọi là thiện nghiệp, làm việc không tốt gọi là ác nghiệp, ví như chúng ta đi học ở trường, bài khóa gọi là “tác nghiệp”, khi học xong tất cả các môn thì gọi là “tốt nghiệp”.

Nghệp ở đâu? Nghệp là thứ mà chúng ta không thấy được, không nghe được, cũng không sờ được. Phật dạy chúng ta rằng “Nghệp” ở trong A Lại Da Thức. Tức là, những câu chữ nói ra ở hiện thời chính là do cái “Nghệp” vốn đã tồn tại trong ấn tượng của chúng ta; tất cả nghiệp thiện ác mà chúng ta đã làm trong quá khứ, hiện tại ta nghĩ lại thì có thể nhớ được là vì có một nơi thay chúng ta lưu giữ những “dữ liệu” đó, cái nơi lưu giữ những “dữ liệu” này gọi là A Lại Da Thức. “A Lại Da” là tiếng Ấn Độ, Trung Quốc dịch thành ý là “Tàng thức”, giống như kho dữ liệu, nhà kho tất cả khởi tâm động niệm, lời nói việc làm từng li từng tí đều được lưu giữ trong kho dữ liệu này. Con người chết đi không mang theo được gì, nhưng nghiệp thì chắc chắn mang theo, là vì những thứ hữu hình thì không mang đi, nhưng nghiệp là vô hình sẽ đi theo cùng chúng ta.

Thế gian không có bất cứ thứ gì đáng sợ, chỉ việc thật sự đáng sợ nhất là tất cả tư tưởng, lời nói, hành vi bất thiện đều tồn tại trong A Lại Da Thức vĩnh viễn, mà không mất đi. Hiểu rõ chân tướng của sự thật rồi chúng ta nhất định không tạo nghiệp ác, loại sạch điều ác, tu thiện viên mãn. Bất luận người đời dùng cách nào tác động đến ta, đối với ta tốt, ta cảm kích họ, đối với ta không tốt, nhất quyết không để trong lòng, vì nếu còn để trong lòng thì rõ là đã không qua được ải của chính mình.

Đức Phật dạy chúng ta ngày đêm “*Thường niệm thiện pháp*”, đây là tâm thiện; “*Tư duy thiện pháp*” đây là tư tưởng thiện; “*Quán sát thiện pháp*”, đây là hành thiện. Thiện pháp phải luôn được tưởng niệm và phải làm tăng trưởng, không may mắn xen tạp với cái bất

thiện, dù chỉ đôi chút. Được như thế thì loại sạch cái ác, viên mãn tu thiện. Người khác đố tội với chúng ta, phỉ báng, nhục mạ, thậm chí hãm hại chúng ta, tất cả đều là **“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”** (nghĩa là phàm những gì có tướng, đều là hư vọng, không thật). Vậy nên hà tất phải đem nó để vào kho chứa tư liệu vậy! Chúng ta phải học Phật, Bồ Tát và Pháp Thân Đại sĩ, kho tư liệu mở ra không có một chút bất thiện nào, như vậy là đã thành Phật rồi, Thập thiện nghiệp đạo tu được viên mãn, đó chính là viên mãn Phật quả.

Chúng ta thường thấy được trên đỉnh hào quang của tượng Phật có **“Án A Hồng”**, ba chữ này. Ba chữ này nghĩa là mười thiện viên mãn. **“Án”** là thân thiện viên mãn, **“A”** là ngữ thiện viên mãn, **“Hồng”** là ý thiện viên mãn. Cho nên thập thiện nghiệp khi viên mãn rồi thì thành Phật. So với năm giới thì thập thiện nghiệp đạo còn sâu rộng hơn. Năm giới là Phật truyền thọ cho chúng đệ tử; mười thiện là Đức Phật tuyên hóa đối với tất cả chúng sanh, đây là dạy cho chúng ta ở ngay trong cuộc sống thường ngày, trong công việc xử sự, đối nhân tiếp vật đều phải tuân thủ nguyên tắc này.

Tạo tác của chúng ta được Đức Phật chia thành 3 loại lớn, gồm thiện nghiệp, ác nghiệp và vô ký nghiệp. **“Vô ký”** nghĩa là không thể gọi là thiện hay ác, ví dụ như chúng ta cầm khăn lau mặt, uống tách trà, những loại này gọi là **“Vô ký nghiệp”**. Thiện ác có tiêu chuẩn, thứ bậc rất nhiều. Thông thường trong Phật pháp nó là **“Ngũ thừa Phật pháp”**, tức 5 tiêu chuẩn. 5 tiêu chuẩn đó là: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa. Tiêu chuẩn mỗi cấp bậc dù không giống nhau nhưng đều có chung một nguyên tắc không đổi, đó chính là sự nghiệp vì lợi ích chúng sanh là thiện nghiệp, còn vì lợi cho bản thân là ác nghiệp.

Đối với cách nói này, người mới học biết Phật pháp khó thể tiếp nhận được, vì ai mà không vì bản thân mình? Mục đích của Phật pháp và thế gian pháp không giống nhau. Mục đích của Phật pháp là phải thành Phật, mà thành Phật phải thoát khỏi tam giới, vượt qua thập

pháp giới. Sở dĩ chúng ta bị trôi lăn trong lục đạo luân hồi chính là vì tâm tự tư, tự lợi quá nặng, chấp trước là có “Ngã” (tức là có cái ta), có “Ngã” thì thoát không ra khỏi lục đạo luân hồi. Vì thế, Phật pháp dạy chúng ta là phải phá chấp “Ngã”, khởi tâm động niệm, lời nói việc làm quyết định không nghĩ cho bản thân, thì cái “Ngã” này mới mờ dần và dứt trừ. Nếu khởi tâm động niệm còn nghĩ đến “Ngã”, thì ý nghĩ về “Ngã” ngày ngày tăng thêm, bất luận là tu học pháp môn nào, bất luận tu tốt đến mức nào thì cũng chẳng qua là hưởng phước báu cõi trời mà thôi, không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì thế muốn thoát khỏi lục đạo luân hồi thì không đoạn “Ngã” không được.

Trong Kinh Kim Cang dạy rằng: ***“Nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng ắt chẳng phải Bồ Tát”.***

Vô ngã tướng có thể thoát khỏi tam giới nhưng chưa thoát khỏi thập pháp giới. Trong thập pháp giới có tứ thánh pháp giới (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật), họ tuy là không còn chấp “Ngã” nhưng còn chấp “Pháp” tồn tại, chính là nói đến “Ngã tướng” không có rồi, nhưng còn “Nhân tướng, Chúng sanh tướng, Thọ giả tướng”. Cho nên họ không ra khỏi thập pháp giới. Trừ khi đoạn hết bốn “tướng”, bốn “kiến” thì mới có thể vượt qua thập pháp giới (Bốn kiến gồm Ngã kiến, Nhân kiến, Chúng sanh kiến, Thọ giả kiến). Thoát khỏi thập pháp giới đó chính là Pháp thân Bồ Tát. Tiêu chuẩn trong Kinh Kim Cang là “Pháp thân Bồ Tát” không phải là “quyền tiểu Bồ Tát” trong thập pháp giới, cho nên yêu cầu trong Kinh Kim Cang là phải phá bốn tướng, bốn kiến. Như vậy giáo dục của Đức Phật là chân thật. Chúng ta phải cố gắng nỗ lực học tập, niệm niệm vì chúng sanh mà nhớ nghĩ. Không phải vì bản thân mà lo nghĩ, thường phải vì người khác mà phục vụ, không đòi hỏi người khác vì ta mà phục vụ. “Ngã” không quên được thì quyết mãi trong lục đạo luân hồi.

Luân hồi quá khổ rồi! Nếu chúng ta muốn lìa bi khổ, dứt hẳn lạc thì phải toàn tâm, toàn ý phụng sự cho hết thảy chúng sanh. Toàn tâm,

toàn ý phụng sự cho chúng sanh nhất định sẽ được phước báo lành. Gieo nhân thiện nhất định được quả thiện.

Chúng ta nhìn thấy có một số người trong đời này được đại phú quý, nhưng mà họ hình như chẳng làm điều thiện gì, thậm chí còn làm rất nhiều việc ác. Nguyên nhân là gì? Đó là do đời trước họ tu nhân thiện, đến đời này thì được thiện báo. Thế nhưng, trong kiếp này họ lại không gặp được thiện tri thức nên mê hoặc, tạo tác nghiệp ác. Bởi vì tạo nghiệp bất thiện trong đời này mà những phước đức tu được trong kiếp trước vốn hưởng hết rồi thì phước báo tương lai không còn nữa, ác báo liền hiện tiền. Cho nên, tất cả pháp trong thế gian chẳng qua là hiện tượng huyễn hóa của vòng tuần hoàn, chuyển biến tương tục của nhân duyên quả báo.

Bộ Kinh này tuy là dạy cho người mới học, nhưng thông suốt đến quả vị Như Lai. Nói cách khác: từ lúc phát tâm sơ khởi đến khi đắc quả vị Như Lai, lúc nào cũng phải phụng hành lời đức Phật dạy trong kinh này, không một phút giây xao nhãng, xa lìa. Đây là pháp căn bản cũng là đại pháp viên mãn của Phật pháp. Trong kinh này tuy chỉ có 10 điều, nhưng trong mỗi một điều đều ẩn chứa cái lý thâm sâu, cái sự thì quảng đại đến vô bờ vô bến mà từ lúc phát tâm sơ khởi đến khi đắc quả vị Như Lai đều không thể học hết. Vì vậy, tuyệt không nên xem nhẹ, cho rằng đây chỉ là những lời mua vui sáo rỗng. Chúng ta thường mắc phải sai lầm này, tạo thành chướng ngại lớn đối với sự nghiệp tu hành của bản thân. Ngay cả hành đạo dễ nhất trong Phật pháp như niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ cũng đều bị ác nghiệp làm chướng ngại.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc được xem là “***Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ***” (tức là nơi hội tụ của các bậc thiện nhân), tiêu chuẩn “Thiện” ở đây chính là những điều trong bộ Kinh này đã đề cập đến. Như vậy, niệm Phật thì nhất thiết phải tu thiện; mà thật ra, bất kể tu học pháp môn nào trong Phật pháp đều phải tu thiện.

“Đạo”: Có 2 nghĩa: về mặt lý mà nói thì “Đạo” ở đây là đạo lý, là quy luật tự nhiên của nhân sanh vũ trụ; nghĩa thứ hai, về mặt sự cụ thể mà nói, “Đạo” đây là thập pháp giới, nhất chân pháp giới. Nghĩa này là y theo tiêu chuẩn của thập thiện (tức là mười điều thiện) mà chúng ta đã tu.

Tu thập thiện cũng phân cao thấp: Thập thiện bậc thượng thượng phẩm là làm Phật ở nhất chân pháp giới, thập thiện của thượng trung phẩm là làm Bồ Tát trong thập pháp giới. Cứ như thế xuống dần đến thập thiện hạ hạ phẩm là cõi Ngạ quỷ. Còn như phẩm nào trong Thập thiện cũng đều không có thì là cõi Địa ngục. Nếu như thấu hiểu bộ kinh này khi chúng ta khởi tâm động niệm rơi vào cõi nào, thì chúng ta biết rất rõ ràng, không cần phải đi hỏi người khác, không những tự mình biết rõ ràng đời sau sẽ đến cõi nào, mà đến cái xác thân hiện tại này của chúng ta ở cõi nào cũng sẽ được thấu rõ.

Hiện tại chúng ta không phải đang ở cõi người sao? Không hẳn vậy! Ngài Đại Sư Thiên Thai có dạy: “Bách giới thiên như”¹, ví như ở trong cõi người vẫn có Phật đạo trong người, có Bồ Tát đạo trong người, có Thanh Văn, Duyên Giác đạo trong người, có Thiên đạo trong người, có Súc sanh trong người và có cả Địa ngục trong người. Tuy hiện tại chúng ta ở tại cõi người, thuộc một trong Thập pháp giới, nhưng chúng ta cũng không thực hiểu rõ bản thân ở trong cõi nào. Đã là người, chúng ta nhất định phải làm người sáng suốt, không nên làm người hồ đồ.

Chúng ta xử sự với người hay với vật, đối đãi trong đời sống hay trong công việc thì phải luôn nhớ nghĩ đến những lời giáo huấn

¹ Nghĩa là: Trăm giới ngàn như: Theo tông Thiên Thai có mười giới: từ ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục...cho đến, trời, người, A Tu la, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật; Trong mỗi giới lại có đủ mười giới (mỗi giới có đủ mầm mống của mười pháp giới ở trong), nên $10 \times 10 = 100$ giới; Trong mỗi giới lại có mười môn như thị (mười thứ đúng như thế).

của cổ nhân “*Nan đắc hồ đồ*” (nghĩa là: muốn hồ đồ thật khó)², cái “hồ đồ” này là giả hồ đồ, không phải sự hồ đồ thật. “*Cật khuy thi*

²“*Nan đắc hồ đồ*” – Nghĩa là: Người thông minh muốn hồ đồ thật khó! “*Thông minh khó, hồ đồ khó, từ thông minh chuyển sang hồ đồ càng khó, buông tay ra, lùi một bước, lòng yên ổn, sau này không mong sự đền đáp*” – Trịnh Bản Kiều.

“*Nan đắc hồ đồ*” dịch nghĩa bề mặt là “muốn hồ đồ thật khó”. Ngày nay nhiều người cho rằng nó có hàm nghĩa là, trong cuộc sống, mặc dù khó, nhưng đôi lúc người ta phải hồ đồ, phải “giả ngu”, để tránh tai bay vạ gió, để được sống yên ổn. Thực ra đó là cách lý giải sai lầm. Bốn chữ “*Nan đắc hồ đồ*” được Trịnh Bản Kiều viết ra trong lúc ông đang phải đứng giữa nhân nghĩa và danh vọng, nó thể hiện khí tiết cao thượng hiếm có của một người làm quan, mang trên vai sinh mệnh của dân chúng...

Trịnh Bản Kiều là thư họa gia nổi tiếng đời Thanh, thiên tư thông minh lại đa tài đa nghệ, nhưng con đường công danh lại gặp ghềnh không thuận lợi. Ông làm tiến sỹ dưới thời vua Càn Long, là một vị quan thanh liêm, chính trực liêm khiết, không sợ quyền thế, hết lòng vì dân.

Bốn chữ “*Nan đắc hồ đồ*” được Trịnh Bản Kiều viết ra trong lúc dân chúng đang gặp nạn lớn, còn khâm sai của nhà vua bắt kẻ dân chúng khổ sở sống chết ra sao vẫn không mở kho phát chẩn, mà lại còn đòi hỏi thư họa của Trịnh Bản Kiều.

Thấy người dân đã đến nông nổi “10 ngày bán một đứa trẻ, 5 ngày bán một phụ nữ” (theo sách “*Đào hoang hành*”), Trịnh Bản Kiều đã lấy hết bổng lộc của bản thân, đồng thời mở cửa kho phát chẩn cứu tế cho nạn dân. Thuộc hạ khuyên ông không nên tự ý quyết định để tránh bị triều đình kết tội, nhưng Trịnh Bản Kiều cho rằng tính mạng của người dân đang trong cơn nước sôi lửa bỏng, nếu vì cứu dân mà bị trách tội thì ông sẵn sàng một mình đón nhận.

“*Nan đắc hồ đồ*” chính là tâm ý của Trịnh Bản Kiều. Ông biết rằng mở kho phát chẩn sẽ bị triều đình kết tội, nhưng vẫn vì nghĩa không chùn, giả vờ “hồ đồ” để có thể cứu được nạn dân. Chính vì thế, ông

phúc” là “Chịu thiệt là phúc”, tức là dứt khoát không nên giữ ý nghĩ chiếm phần hơn, vì thực ra chiếm phần hơn khác nào là nhận phần “thiệt” lớn bởi vì cái ý nghĩ chiếm phần hơn chính là phạm giới trộm cắp. Đây là điều mà chúng ta nên chú tâm thận trọng. Chúng ta còn có sức khỏe, còn trí huệ thì hãy vì hết thấy chúng sanh mà phụng sự. Phụng sự xã hội, phụng sự thế giới. Lĩnh vực phụng sự của chúng ta càng rộng thì phước càng lớn. Chúng ta phải một lòng không vì mong cầu phước báo mà phụng sự, cái chúng ta mong cầu là vô thượng Bồ đề.

Về chữ “**Kinh**”: Người Trung Quốc gọi sách là “Kinh”. Đây là cách gọi có tính tôn trọng.

Các vị pháp sư thời xưa giảng Kinh thường dùng bốn chữ “Quán, Nhiếp, Thường, Pháp” để giải thích.

“*Quán*” ý nói ngôn ngữ văn tự có trình tự, mạch lạc, không thừa không thiếu, nhất quán từ đầu đến cuối. Trong “Khoa Phán” trong kết

mới chú thích cho bốn chữ “Nan đắc hồ đồ” rằng: “Thông minh khó, hồ đồ khó, từ thông minh chuyển sang hồ đồ càng khó, buông tay ra, lùi một bước, lòng yên ổn, sau này không mong sự đền đáp”.

Trịnh Bản Kiều vì nỗ lực cứu giúp nhân dân mà bị bọn tham quan căm ghét, cuối cùng ông bị chúng vu cáo và cách chức. Lúc ông rời nhiệm sở, dân chúng tranh nhau tới, thấp hương bày rượu đưa tiễn ông đến 10 dặm trường đình. Ông chẳng có xe ngựa và tùy tùng, chỉ thuê 3 con lừa, một con để mình cưỡi, một con chở sách vở và cây đàn, một con cho người nô bộc cưỡi. Đúng là một vị quan “Lưỡng tự thanh phong”.

Đứng trước nhân nghĩa và danh vọng, Trịnh Bản Kiều có thể dũng cảm từ bỏ lợi ích bản thân, chỉ mong làm hết sức mình, không mong được đền đáp. Cái “hồ đồ” của Trịnh Bản Kiều không phải là giả ngu giả đần, mà chính là cái “hồ đồ” của một nhân cách vĩ đại. Đó chính là hàm nghĩa cao thượng của bốn chữ “Nan đắc hồ đồ (Theo TriThucVN.Net)

câu văn chương của Kinh Phật, chúng ta thật không thể thêm hay bớt dù chỉ một từ vào kết câu ấy được.

“*Nhiếp*” là nhiếp thọ nhân tâm, khiến cho chúng ta sau khi tiếp xúc thì không thể dứt bỏ được. Giống như nam châm hút sắt vậy, Kinh Phật cũng có năng lực như vậy. Với văn chương, báo chí bình thường thì xem qua một lần đã quyết định không muốn xem lần thứ hai, nhưng Kinh Phật xem cả đời cũng không chán, càng xem càng thích.

“*Thường*” là đạo lý, phương pháp đã nói ở trong Kinh Phật vĩnh viễn sẽ không thay đổi, bất luận là ở thời đại nào, bất kể ở nơi nào cũng đều đúng cả, đối với hết thảy chúng sanh đều có lợi ích cả.

“*Pháp*” là quy tắc, bất luận ở thời nào, nơi nào, bất kể chúng sanh nào tu hành cứ dựa theo quy tắc này thì nhất định có thể đạt được thành tựu.

Cho nên đầy đủ 4 ý nghĩa phía trên thì được gọi là Kinh.

NHÂN ĐỀ

Kinh Phật là những lời mà Đức Phật Thích Ca đã giảng. Sau khi Phật diệt độ, đệ tử của Người tập hợp lại và viết thành văn tự, rồi trở thành Kinh điển. Phật pháp khi truyền đến Trung Quốc tất phải dịch thành tiếng Trung, cho nên, Kinh Phật nhất định phải có tên của người phiên dịch.

Ở Trung Quốc viện phiên dịch nổi tiếng nhất là viện phiên dịch của Đại sư Cưu-Ma-La-Thập có tất cả hơn 400 người, viện phiên dịch của Đại sư Huyền Trang có hơn 600 người. Đây là viện dịch Kinh điển có quy mô rất lớn. Những người tham gia phiên dịch được liệt kê trong kinh điển là người phụ trách viện dịch thuật kinh điển.

“Đường Vu Diên, Tam tạng pháp sư, Thật Xoa Nan Đà dịch”.

“Đường” là chỉ niên đại. Bộ Kinh này được dịch vào đời Đường, triều đại Võ Tắc Thiên.

“Vu Diên” là quê quán của pháp sư, hiện nay gọi là “Hòa Diên Tân Cương”.

“Tam tạng pháp sư” tức là học lực của pháp sư. Người chủ trì phiên dịch nhất thiết phải thông đạt tam tạng³. Vì vậy, Đại đức dịch kinh điển đều là Tam Tạng Pháp Sư.

“Thật Xoa Nan Đà” là tên của Ngài, có nghĩa là “Hỷ học” là thích học tập. Bất luận là Thế pháp hay Phật pháp chỉ cần là người hiểu học thì nhất định sẽ thành tựu. Nếu như không hiểu học, lười biếng thì học lực đạo nghiệp đương nhiên không thể thành tựu. Đây là hàm nghĩa trong danh hiệu của pháp sư. Chúng ta cần chăm chỉ học tập theo Ngài.

³Tam tạng nghĩa là: Trong Giáo lý của đạo Phật gồm trong 3 tạng kinh điển là Kinh, Luật, và Luận.

1. Kinh: là những lời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói khi còn tại thế, để dạy chúng sanh dứt trừ phiền não và đạt đến quả Niết Bàn.

2. Luật là những giới luật mà Phật đã chế ra cho các đệ tử, để các đệ tử răn ngừa các điều dữ, tu tập các điều lành, trau dồi thân tâm cho thanh tịnh.

3. Luận là những sách phân nhiều do các đệ tử của Phật làm ra, để bàn giải rõ ràng nghĩa lý mầu nhiệm trong kinh, luật hoặc quyết đoán tánh, tướng của các Pháp, phân biệt những lẽ phải–chẳng khiến cho người đời khỏi nhận lầm phải trái, chánh tà. (theo Phật học Phổ thông – HT Thích Thiện Hoa)

“*Dịch*” nghĩa là đem Phan văn phiên dịch thành Hoa văn.

Trong số những kinh điển mà Đại sư Thật Xoa Nan Đà phiên dịch, nổi tiếng nhất và được người Trung Quốc thích đọc tụng nhất là “Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh”, ngoài ra còn một bộ kinh vô cùng quan trọng là “Bát Thập Hoa Nghiêm”. Từ đó có thể thấy, sự công hiến của Pháp sư đối với Phật giáo Trung Quốc rất lớn và sức ảnh hưởng đối với lịch sử dịch Kinh của Phật giáo Trung Quốc không kém so với Đại Sư La Thập, Đại Sư Huyền Trang. Có thể nói trong lịch sử dịch kinh Ngài là một nhân vật rất quan trọng.

Hôm nay thời gian đã hết chúng ta giảng đến đây thôi.

Chúc bạn:

*Không làm các việc ác,
vâng làm các việc lành,
tự thanh tịnh tâm ý,
đó là lời Phật dạy*

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!